

Bản án số: 431/2026/DS-PT
Ngày: 14 - 5- 2026
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Bà Lâm Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lưu Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Võ Trung Hiếu-
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2026/TLPT-DS ngày 20
tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 222/2025/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025
của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 872/2026/QĐ-PT ngày
07/4/2026 giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1984; (có mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Phan Thị Ngọc N – Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

2/- Bị đơn:

2.1. Anh **Lê Ngọc D**, sinh năm 1993; (vắng mặt).

2.2. Ông **Lê Ngọc T**, sinh năm 1963; (vắng mặt).

2.3. Bà **Lê Thị Kim C**, sinh năm 1961; (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà C:

Anh **Nguyễn Tiến T1**, sinh năm 1985; (có mặt).

Địa chỉ: Số B đường số B nội dài, khu phố I, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/- Người kháng cáo: **Bị đơn, ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị Kim C.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

**Nguyên đơn, chị Lê Thị Thu H trình bày:*

Vào ngày 08/03/2021, chị có cho anh Lê Ngọc D vay tổng số tiền 650.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 2%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, có viết biên nhận. Đến hạn trả tiền thì anh D không trả tiền lãi lẫn nợ gốc cho chị. Chị đã nhiều lần yêu cầu anh D trả tiền nhưng anh D cố tình trốn tránh. Sau đó, cha mẹ của anh D là ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Kim C có đứng ra bảo lãnh sẽ thay mặt anh D trả số tiền nêu trên và đảm bảo sau khi bán đất sẽ trả tiền cho chị nhưng cho đến nay vẫn không thực hiện như đã cam kết.

Chị trình bày cụ thể thêm là ngày 08/3/2021 chị cho anh D vay số tiền 500.000.000 đồng, anh D có viết biên nhận cho chị, sau đó 04 ngày anh D có vay thêm của chị số tiền 100.000.000 đồng không có viết biên nhận và 50.000.000 đồng hụi chết mà anh D chơi hụi còn nợ lại chưa đóng hụi chết. Từ khi xác nhận nợ cho chị anh D không đóng tiền lãi cho chị tháng nào cả, do anh D không trả tiền cho chị, nên chị mới đến nhà cha mẹ anh D yêu cầu trả nợ của anh D.

Nay chị yêu cầu anh Lê Ngọc D, ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền vốn vay 650.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 08/3/2021 đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Tại phiên toà sơ thẩm chị H xin rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 150.000.000 đồng vì không có biên nhận, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị H.

**Bị đơn, anh Lê Ngọc D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**Bị đơn, ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Kim C có người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Tiến T1 trình bày: Ông T, bà C không có bảo lãnh nợ cho anh Lê Ngọc D. Chị H tự đến nhà ông T, bà C đòi tiền mà Lê Ngọc D nợ của chị H, ông T, bà C không biết anh D có nợ tiền của chị H.*

Đối với biên nhận nợ ngày 08/3/2021 ông T, bà C không biết có phải chữ ký của anh Lê Ngọc D hay không.

Đối với nội dung đoạn ghi âm mà chị H cung cấp ông bà không đồng ý đây là giọng nói của bà Lê Thị Kim C tại thời điểm ghi âm nhưng ông T, bà C và anh T1 không yêu cầu giám định giọng nói.

Ông T, bà C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H vì ông T, bà C không có nợ tiền của chị H.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 222/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp căn cứ vào Điều 335, Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H đối với số tiền 150.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H.

2.1. Buộc anh Lê Ngọc D có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Thu H số tiền 500.000.000 đồng và 225.483.333 đồng lãi suất, tổng cộng 725.483.333 đồng (*Bảy trăm hai mươi triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*).

2.2. Trong trường hợp anh Lê Ngọc D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Lê Thị Thu H, buộc ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Kim C phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả tiền thay cho anh Lê Ngọc D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 30/9/2025, ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Kim C có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm kiểm tra tính pháp lý của giấy vay tiền giữa anh Lê Ngọc D với chị Lê Thị Thu H có đúng là chữ ký của anh Lê Ngọc D hay không? Kiểm tra tính nguyên vẹn của đoạn ghi âm giọng nói của bà Lê Thị Kim C có đúng thật là giọng nói của bà C và đoạn ghi âm có cắt ghép hay không?

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đại diện uỷ quyền của bị đơn Lê Ngọc T và Lê Thị Kim C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 08/3/2021 do chị H cung cấp có chữ ký của anh Lê Ngọc D, thể hiện anh D có vay của chị H số tiền 500.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và cũng không có yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký trong giấy mượn tiền mà chị H cung cấp. Như vậy, anh D được xem là từ bỏ nghĩa vụ chứng minh

theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do anh D không trả nợ khi đến hạn nên chị H có đến nhà anh D gặp cha mẹ của anh D để thông báo về khoản nợ này thì ông T, bà C cam kết sẽ trả nợ thay cho anh D nhưng sau đó không thực hiện. Vì vậy, chị H mới khởi kiện yêu cầu ông T, bà C phải có nghĩa vụ liên đới cùng với anh D trả cho chị H số tiền vay. Chị H có cung cấp chứng cứ là 02 đoạn ghi âm cuộc hội thoại giữa chị H và bà C thể hiện nội dung bà C và ông T cam kết trả nợ thay cho anh D. Bà C và ông T cho rằng giọng nói trong đoạn ghi âm giống giọng nói của bà C nhưng không chắc chắn. Tuy nhiên ông T, bà C không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đoạn ghi âm này. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên buộc anh D có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền vốn vay 500.000.000 đồng và tiền lãi 225.483.333 đồng, tổng cộng 725.483.333 đồng. Trong trường hợp anh D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị H thì buộc ông T, bà C phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả tiền thay cho anh D là có căn cứ và phù hợp pháp luật. Ông T, bà C kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung kháng cáo: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Kim C và ông Lê Ngọc T còn trong thời hạn quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Anh Lê Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Lê Ngọc D.

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

3.1. Đối với hợp đồng vay tài sản:

Chị Lê Thị Thu H khởi kiện yêu cầu anh Lê Ngọc D, bà Lê Thị Kim C và ông Lê Ngọc T có trách nhiệm liên đới trả cho chị H số tiền vốn vay 500.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định tính từ ngày 08/3/2021 đến ngày xét xử vụ án.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị H có cung cấp chứng cứ là “Giấy mượn tiền ngày 08/3/2021” có chữ ký và chữ viết của anh Lê Ngọc D thể hiện nội dung anh D có mượn của chị H số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn mượn từ ngày 08/3/2021 đến ngày 08/3/2021.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, cho thấy anh D đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy, căn cứ vào lời trình bày của chị H và căn cứ vào “Giấy mượn tiền ngày 08/3/2021”, có đủ cơ sở xác định anh D có mượn chị H số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 08/3/2021, thời hạn mượn 01 tháng, nhưng cho đến nay anh D vẫn chưa trả vốn và lãi cho chị H là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên buộc anh D phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền vốn 500.000.000 đồng và tiền lãi 225.483.333 đồng, tổng cộng 725.483.333 đồng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và phù hợp quy định tại Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2. Đối với hợp đồng bảo lãnh:

Chị H cho rằng cha, mẹ của anh D là ông T và bà C đã bảo lãnh trả nợ thay cho anh D nhưng không thực hiện. Vì vậy chị H yêu cầu ông T và bà C phải có nghĩa vụ liên đới cùng với anh D trả số tiền vốn và lãi nêu trên cho chị H.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị H có cung cấp 02 đoạn ghi âm ghi lại cuộc hội thoại giữa chị H và bà C, nội dung bà C, ông T hứa bán đất để trả nợ thay cho anh D nhưng sau đó không thực hiện.

Căn cứ vào nội dung 02 đoạn ghi âm do chị H cung cấp cho thấy ông T, bà C biết khoản nợ 500.000.000 đồng anh D vay của chị H và có hứa sẽ trả thay cho anh D. Tại biên bản hòa giải, ông T và bà C không đồng ý giọng nói trong đoạn hội thoại là của bà C nhưng ông T, bà C không yêu cầu giám định giọng nói bà C trong đoạn ghi âm này. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà C trình bày giọng nói trong đoạn ghi âm do chị H cung cấp giống với giọng nói của bà C nhưng không xác định có phải là giọng nói của bà C không. Mặc dù vậy, phía bị đơn không có yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của anh D theo “Giấy mượn tiền ngày 08/3/2021” và không yêu cầu giám định giọng nói của bà C trong 02 đoạn ghi âm nêu trên, cho thấy ông T, bà C đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc anh D phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 500.000.000 đồng và 225.483.333 đồng lãi suất, tổng cộng 725.483.333 đồng. Trong trường hợp anh D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị H, buộc ông T và bà C phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả tiền thay cho anh D là phù hợp với quy định tại Điều 335 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà C và ông T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác để chứng minh. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của bà C, ông T không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định các chứng cứ do chị H cung cấp. Do vậy, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Ông T và bà C không phải chịu án phí phúc thẩm do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

[6]. Xét tranh luận của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 296, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Kim C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 222/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp.

Căn cứ Điều 335, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.1 Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H đối với số tiền 150.000.000 đồng.

1.2 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H.

Buộc anh Lê Ngọc D có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Thu H số tiền 500.000.000 đồng và 225.483.333 đồng lãi suất, tổng cộng 725.483.333 đồng (B trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày chị Lê Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lê Ngọc D không trả số tiền trên thì hàng tháng anh D trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

1.3 Trong trường hợp anh Lê Ngọc D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Lê Thị Thu H, buộc ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Kim C phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả tiền thay cho anh Lê Ngọc D.

1.4 Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Ngọc D phải chịu 33.019.320 đồng (Ba mươi ba triệu, không trăm mười chín ngàn, ba trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Kim C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho chị Lê Thị Thu H số tiền 23.842.500 đồng (hai mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi hai ngàn, năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010440 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Đồng Tháp).

2/- Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Kim C được miễn án phí phúc thẩm.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy H2 – L

Lưu Thị Thu T2

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND khu vực 12;
- Thi hành án dân sự Tỉnh;
- Phòng GDKT, TT và THA TAT;
- Lưu: VT, HS (Hạnh)

Lưu Thị Thu Thủy